

**APPROACHING LITERARY WORKS IN  
THE 2018 GENERAL EDUCATION  
PROGRAM OF LANGUAGE ARTS  
FROM THE PERSPECTIVES OF  
CONFUCIAN VIRTUE IDEOLOGY**

Bui Linh Hue\* and Nguyen Dieu Linh  
*Faculty of Languages & Culture, Thai  
Nguyen University of Sciences,  
Thai Nguyen province, Vietnam*

\*Coressponding author Bui Linh Hue,  
e-mail: huebl@tnus.edu.vn

Received March 24, 2024.

Revised April 8, 2024.

Accepted May 16, 2024.

**TIẾP CẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC  
PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN 2018  
TỪ TƯ TƯỞNG ĐỨC TRỊ NHO GIÁO**

Bùi Linh Huệ\* và Nguyễn Diệu Linh  
*Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa, Trường Đại học  
Khoa học Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: Bùi Linh Huệ,  
e-mail: huebl@tnus.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/3/2024.

Ngày sửa bài: 8/4/2024.

Ngày nhận đăng: 16/5/2024.

**Abstract.** There have been several researches on the influence of Confucianism on Vietnamese literature, however, there has not been any work that has systematically investigated the influences of Confucian Virtue Ideology in the literary works in the textbooks of Vietnamese language arts according to the 2018 General Education Program by the Ministry of Education. This article contributes to this gap in the literature and proposes an approach to teaching the literary works in the new textbooks from the perspectives of Confucian Virtue Ideology to integrate literature teaching with cultural, historical education, civic education, and critical thinking.

**Keywords:** Virtue Ideology, Confucianism, the 2018 General Education Program of Language Arts, integrated teaching, critical thinking, cultural studies approach.

**Tóm tắt.** Đã có nhiều công trình nghiên cứu ảnh hưởng Nho giáo tới văn học Việt Nam, tuy nhiên, chưa có một công trình nào tìm hiểu sự ảnh hưởng của tư tưởng Đức trị Nho giáo tới các tác phẩm văn học trong các bộ sách giáo khoa mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 một cách hệ thống. Bài báo này góp phần khắc phục khoảng trống đó và đề xuất tiếp cận giảng dạy môn ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông từ góc độ Đức trị với mục đích tích hợp giảng dạy văn học với giáo dục văn hóa, lịch sử, đạo đức công dân và tư duy phản biện.

**Từ khóa:** Đức trị, Nho giáo, Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Ngữ văn 2018, dạy học tích hợp, tư duy phản biện, phương pháp tiếp cận văn hóa học.

## 1. Mở đầu

Đã có một thời gian dài, Nho giáo bị đánh giá cực đoan và hạ thấp vai trò đối với sự hình thành di sản văn hóa của dân tộc cũng như với việc gìn giữ văn hóa và phát triển xã hội ngày nay. Bên cạnh những điểm lạc hậu, không phù hợp, Nho giáo đã ăn sâu vào văn hóa bản địa Việt Nam, được Việt hóa và có những ảnh hưởng quan trọng, tích cực tới văn hóa, xã hội Việt Nam ở nhiều mặt. Cùng với xu hướng thế giới đang đánh giá lại, tôn vinh những giá trị tích cực của Nho giáo, Việt Nam cũng cần nhìn nhận lại các giá trị Nho giáo, đặc biệt là tư tưởng Đức trị, được thể hiện trong di sản văn hóa, văn học dân tộc. Sự nhìn nhận này cần khách quan, đa chiều để có thể đánh giá được sâu sắc sự biểu hiện của tư tưởng Đức trị Nho giáo trong văn học Việt Nam qua các thời đại, bao gồm cả các nét khả thủ và tiêu cực, cũng như mối quan hệ qua lại, hỗn dung với “đạo

đức” của Đạo giáo và việc tu tâm của Phật giáo. Việc nghiên cứu ảnh hưởng Nho giáo tới văn học Việt Nam đã được tiến hành trong nhiều công trình, tuy nhiên, chưa có một công trình nào tìm hiểu sự ảnh hưởng của tư tưởng Đức trị Nho giáo tới các tác phẩm văn học trong các bộ sách giáo khoa mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 một cách hệ thống cũng như chỉ ra ý nghĩa và khả năng tích hợp giảng dạy văn học với giáo dục văn hóa, lịch sử, đạo đức công dân và tư duy phản biện thông qua hệ thống các tác phẩm này.

Ảnh hưởng của Nho giáo Trung Quốc tới văn học châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng là điều đã được thừa nhận và nghiên cứu ở nhiều quy mô. Từ 1986 tới nay, nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả như Trần Đình Hượu (*Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* (1995), *Loại hình học tác giả nhà Nho- Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam* (1995)), Trần Ngọc Vương (*Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung* (1997), *Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX* (2007, chủ biên)) và Trần Nho Thìn (*Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* (2003), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX* (2012)... ) đã nghiên cứu văn học theo phương pháp xã hội học - lịch sử, kết hợp phương pháp loại hình học hay văn hóa học nhưng không tập trung vào vấn đề đấu tranh giai cấp và tính hiện thực mà xem xét văn học từ góc nhìn xã hội, lịch sử, tư tưởng, triết học, tôn giáo và các vấn đề văn hóa. Vấn đề văn học nhà Nho cũng đã được nghiên cứu, bàn luận trong các công trình như *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam* (1997, Nhiều tác giả), *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam* (1997, Phương Lựu), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam* (1998, Trần Đình Sử), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam* (2001, Lê Trí Viễn)... Các tác giả này đã góp phần làm rõ nét thêm các vấn đề của văn học nhà Nho trung đại từ nhiều góc nhìn khác nhau. Trong đó, Trần Đình Sử (1998) đã tính đến sự tác động của các yếu tố Nho, Phật, Đạo tới thi pháp văn học trung đại [1]. Đoàn Thị Thu Vân (1995) đã bước đầu chỉ ra những đặc trưng nghệ thuật của “thơ Nho” thời Lí - Trần trong sự so sánh với thơ Thiên trên một số phương diện như tính duy lí, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thi liệu, giọng thơ... [2]. Đỗ Thu Hiền (2014) đã nghiên cứu ba tác giả Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông trong sự vận động tới sự điển phạm hóa của văn học nhà Nho [3].

Trần Nho Thìn là tác giả có nhiều công trình nghiên cứu văn học trung đại từ góc nhìn văn hóa như *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* (2003, 2008), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX* (2012). Trong đó, chuyên đề *Tiếp cận tác phẩm trong chương trình phổ thông trung học có liên hệ với văn hóa chính trị cổ - trung đại* của ông đã chia sẻ phương pháp và truyền cảm hứng cho bài báo này. Ý thức được khó khăn của giáo viên và học sinh khi dạy và học nhóm tác phẩm văn học từ thế kỉ X đến thế kỉ XV liên quan đến văn hóa chính trị trong chương trình Ngữ văn 10 (sách cải cách), tác giả đã phục dựng bối cảnh văn hóa, thời đại của các tác phẩm trung đại nói trên từ góc nhìn văn hóa, để giúp cho việc đọc văn bản tác phẩm dễ dàng hơn, tiếp cận được những hàm nghĩa mà chính người xưa muốn chuyển tải. Tác giả đã phân tích ba tác phẩm *Quốc tộ*, *Bạch Đằng giang phú* và *Bình Ngô đại cáo* để chỉ ra tư tưởng chính trị đạo đức mang màu sắc Đức trị Nho giáo đã ảnh hưởng sâu sắc tới nội dung và thi pháp của các tác phẩm này [4]. Tiếp nối Trần Nho Thìn, Nguyễn Thanh Tùng (2018) đã đề cập đến sự cần thiết để phát triển chủ đề tích hợp để góp phần nâng cao hiệu quả việc dạy học văn học trung đại Việt Nam theo đúng định hướng tiếp cận năng lực. Tác giả đề xuất hệ thống các chủ đề tích hợp (có minh họa bằng việc triển khai một chủ đề cụ thể) để dạy học theo chủ đề theo hướng phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh trung học. Tác giả đưa ra 10 chủ đề tích hợp để dạy học các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam [5]. Tuy nhiên, công trình này của Trần Nho Thìn và Trần Thanh Tùng đều chưa bao quát được tất cả các tác phẩm có liên quan đến tư tưởng Đức trị được xuất bản từ 2018 đến nay trong ba bộ sách *Cánh diều*, *Chân trời sáng tạo* và *Kết nối Tri thức*.

Về vấn đề cần giảng dạy môn Ngữ văn theo định hướng hình thành phẩm chất đạo đức và phát triển các năng lực tư duy như sáng tạo, tự học, phản biện, Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới ban hành năm 2018 đã nêu rõ chủ trương hình thành và phát triển các phẩm

chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm, bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính cũng như “giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn [6] Bùi Thị Diễm (2019) đề xuất giảng dạy ngữ văn tích hợp với giáo dục thái độ, đạo đức của công dân toàn cầu như tôn trọng các giá trị con người, không phân biệt chủng tộc, giới, tuổi tác, tôn giáo và quan điểm chính trị, tôn trọng sự đa dạng và quan điểm đa chiều, quý trọng thể giới tự nhiên, sự sống của vạn vật, có trách nhiệm giải quyết các thách thức toàn cầu, suy nghĩ mang tính toàn cầu trong việc xóa bỏ bất bình đẳng và bất công [7]. Những thái độ, phẩm chất này đã được tư tưởng Đức trị của Nho giáo đặt nền tảng ở mức độ nhất định. Do vậy, hoàn toàn có thể sử dụng các tác phẩm văn học chịu ảnh hưởng tư tưởng Đức trị để giáo dục đạo đức công dân toàn cầu cho học sinh theo hướng ủng hộ hoặc phản biện. Như vậy, môn Ngữ văn có vai trò quan trọng giúp học sinh hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức công dân toàn cầu cũng như các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả và học tập suốt đời. Các tác phẩm văn học có ảnh hưởng tư tưởng Đức trị của Nho giáo hoàn toàn có thể trở thành các tư liệu giảng dạy phù hợp cho mục đích tích hợp này.

Trong bài báo này, chúng tôi sẽ tiếp cận các tác phẩm văn học trung đại như một hệ thống từ góc nhìn tư tưởng Đức trị của Nho giáo nhằm chỉ ra tiềm năng giảng dạy các tác phẩm văn học này trong sự tích hợp với các môn học khác và phát triển tư duy phản biện cho học sinh.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đặc điểm và vai trò của tư tưởng Đức trị Nho giáo trong quá khứ và hiện tại

Thuyết Đức trị (Virtue Policy/Virtue Ideology) chính là điểm cốt lõi của tư tưởng Nho giáo do Khổng Tử (551 – 479 TCN) sáng lập. Nho giáo là hệ tư tưởng giữ vị trí chủ đạo hơn hai ngàn năm trong đời sống tinh thần, ý thức hệ và nền văn hóa Trung Quốc. Đức trị là học thuyết chính trị có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa tinh thần của người phương Đông, chiếm địa vị thống trị tư tưởng trong suốt thời kỳ lịch sử ở Trung Quốc và nhiều nước Đông Á, hình thành nên không gian “Văn hóa Khổng giáo” của Đông phương. Học thuyết Đức trị chủ trương lí luận dùng đức để cai trị xã hội. Đức trị kỳ vọng người quân tử, thiên tử sẽ dùng đức để gánh vác sứ mệnh thời đại của họ. Theo quan niệm của đức trị, quân tử phải hội đủ các điều kiện là: đạt Đức và đạt Đạo. Đạo của người quân tử là tu thân – tề gia – trị quốc – bình thiên hạ; Đức của người quân tử là Nhân – Trí – Dũng. Nho giáo quan niệm chính trị là sự tiếp tục của đạo đức và chủ trương nâng đạo đức lên thành đường lối chính trị – gọi là đức trị. Các vấn đề cơ bản của Đức gồm có: *ngũ luân, ngũ thường, tư tưởng hiếu sinh, tư tưởng trung dung (trung hòa, trung thứ), tính/bản tính, thiện, tâm, đức* [8]. Khổng Tử đã chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố trong học thuyết Đức trị: giáo (dục) + trí → hiếu → thành → chính tâm → tu thân → tề gia → trị quốc → sáng đức sáng (minh đức). Các đức cơ bản của người quân tử theo Nho giáo bao gồm *thành, hiếu, nhân, hiếu sinh, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm, khiêm, trung*. Nguyên tắc xử thế của nhà Nho là *trung* (đứng giữa, không nghiêng lệch), *thời* (tùy thời). Đường lối xử thế của nhà Nho theo đó là *chính danh, thuận ngôn, hành thiện* [9].

Phải đến Khổng Tử thì Nho giáo nói chung và chủ trương dùng đức trong cai trị dân mới được xây dựng thành học thuyết, thành giáo lí. Nho gia là tư tưởng chính trị nhập thể, đào tạo, định hướng ra người thiên tử và quân tử cầm quyền, lãnh đạo xã hội. Thiên tử và quân tử đến bốn phần của họ phải sửa mình, phải làm gương cho dân, giáo hóa dân. Khổng Tử nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó của đạo đức với chính trị, nói cách khác, ông đã đạo đức hóa chính trị. Ông phê phán xã hội Trung Quốc thời Xuân Thu là một xã hội “vô đạo” và ông muốn lập lại một xã hội “có đạo”. Khổng Tử quan tâm đến việc cải thiện hoàn cảnh kinh tế của nhân dân, làm cho dân giàu lên và giáo hóa họ. Chủ trương đức trị và lễ giáo của Khổng Tử có mục đích chính trị rất rõ ràng: ổn định trật tự xã hội, thuần hóa dân chúng, mặt khác cũng nhằm phản đối nền chính trị hà

khắc, tàn bạo dễ làm cho dân chúng oán hận mà nổi lên chống đối. Nho giáo đã dùng tai dị và tư tưởng “tại đức bất tại hiêm” để cảnh báo nếu người lãnh đạo trị không tu đức, không thi hành nhân nghĩa thì cho dù đất nước ấy có tài nguyên thiên nhiên trù phú, có địa thế hiểm yếu đi nữa, kết cục cũng là mất lòng dân và đất nước khó tránh khỏi diệt vong. Học thuyết Đức trị của Khổng Tử có sự mâu thuẫn nội tại nhất định: nó vừa củng cố, duy trì chế độ phong kiến bằng cách đồng nhất vua với “mệnh trời” và đồng nhất đức của vua với sự hưng vong của quốc gia, nhưng nó cũng khiến cho nhà cầm quyền và dân ý thức được về sức mạnh và sự phản kháng, phần nộ của dân.

Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ thời nhà Hán của Trung Quốc và đã ăn sâu vào xã hội Việt Nam, đặc biệt là thời kỳ đô hộ của Trung Quốc và thời kỳ phong kiến. Bên cạnh các giá trị văn hóa nội sinh của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, tư tưởng Đức trị của Nho giáo đã thấm sâu vào văn học, nghệ thuật, triết học Việt Nam, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa và di sản lịch sử của đất nước. Mặc dù ảnh hưởng của nó tăng giảm theo thời gian, nhưng các giá trị Nho giáo vẫn tiếp tục còn ảnh hưởng sâu sắc ở Việt Nam và các nước Đông Á, góp phần hình thành nên các quan niệm về tu dưỡng cá nhân, đạo đức gia đình và đạo đức trong quản lí, lãnh đạo xã hội.

## 2.2. Ý nghĩa của việc tiếp cận tác phẩm văn học trong trường phổ thông từ quan điểm Đức trị

Việc tiếp cận tác phẩm văn học trong trường phổ thông từ quan điểm Đức trị có thể hình thành cho học sinh những năng lực sau: (1) Hiểu được bối cảnh văn hóa – lịch sử của tác phẩm và truyền thống văn hóa dân tộc; (2) Hiểu được các giá trị tốt đẹp mà Nho giáo mang lại: tình cảm gia đình, sự gắn kết cộng đồng, trách nhiệm xã hội, tinh thần tự tu dưỡng, học tập suốt đời; (3) Phát triển tư duy phản biện: những điểm yếu của tư tưởng Đức trị Nho giáo, bao gồm sự cứng nhắc, bảo thủ, bất bình đẳng giới, thành kiến văn hóa có thể trở thành đối tượng để học sinh phản biện nhằm hình thành thái độ tôn trọng tự nhiên, giới, tôn giáo, chủng tộc, đa dạng văn hóa và kĩ năng tư duy phản biện, tư duy đa chiều.

Những tác phẩm văn học có gắn với tư tưởng Đức trị không chỉ tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy ngữ văn trong tính liên ngành với môn lịch sử, địa lí mà cả môn giáo dục công dân. Việc tích hợp giáo dục đạo đức, giáo dục công dân vào việc dạy văn giúp nâng cao sự phát triển đạo đức của học sinh, nuôi dưỡng nhận thức về văn hóa, thúc đẩy sự tham gia của công dân, nuôi dưỡng sự đồng cảm và phát triển năng lực phản biện cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng và hòa nhập hơn. Giáo viên có thể truyền cảm hứng cho học sinh trở thành những công dân giàu lòng nhân ái, hiểu biết và tích cực cam kết tuân theo các nguyên tắc đạo đức và công bằng xã hội.

Chúng tôi đã hệ thống lại các tác phẩm thể hiện/liên quan tư tưởng Đức trị theo trục thời gian (văn học dân gian, trung đại, hiện đại), theo đặc điểm của chế độ phong kiến ở giai đoạn hưng thịnh hay suy tàn, theo phạm vi (văn học Việt Nam, văn học nước ngoài) để có thể nhìn rõ hơn nguyên nhân sự biến thiên của tư tưởng Đức trị qua thời gian và không gian. Dựa trên các hệ thống thuật ngữ, biểu tượng, điển cố, kết cấu hình tượng, chúng tôi lí giải sự biểu hiện và ý nghĩa của các tác phẩm trong mối quan hệ với tư tưởng Đức trị.

## 2.3. Tiếp cận tác phẩm văn học trong trường phổ thông từ tư tưởng Đức trị

### 2.3.1. Tác phẩm văn học dân gian và văn học viết trung đại thuộc giai đoạn chế độ phong kiến thịnh trị từ góc nhìn Đức trị

#### *Văn học dân gian*

Thú vật vốn được coi là các sinh linh không có ý niệm về Đức như con người. Nhưng con hổ trong *Con hổ có nghĩa* lại có đức *nghĩa*: biết biết ơn, yêu quý người có ân và tìm cách báo ân lâu dài, biết *lễ* (cúng giỗ hàng năm cho người thi ân). Đó là lời nhắc nhở con người sống có *nghĩa* kẻo không bằng con vật. Khác với các phiên bản truyện *Thạch Sanh* của người Dao, người Mông (truyện *Chàng Sinh*, truyện *Sinh Lữ*), truyện cổ tích *Thạch Sanh* bản của người Việt là truyện dân gian đã được “Nho hóa”. Thạch Sanh là một người quân tử, một thiên tử tiềm năng có *đức*, thể

hiện qua các dấu hiệu sau: là thái tử con Ngọc Hoàng (khác với các phiên bản truyện Thạch Sanh của dân tộc khác: Thạch Sanh chỉ là một chàng mồ côi); có *dũng*: dũng cảm cứu giúp người gặp nạn, diệt trừ tai họa cho cộng đồng; có *nghĩa*, *hành thiện*: làm việc tốt đẹp mà không cần báo đáp (cứu Lí Thông, cứu dân làng khỏi chần tinh, cứu công chúa khỏi đại bàng, cứu thái tử con vua Thủy Tề, cứu đất nước khỏi nạn can qua); có *nhân*, có *đức hiếu sinh*: tha chết cho quân giặc, mời họ ăn no, dùng biện pháp hòa bình để chấm dứt chiến tranh. Trong khi đó, ở *Sự tích hồ Gươm*, việc thanh gươm thần được rửa thiêng trao cho Lê Lợi đã biểu hiện nhà vua như một thiên tử có *đức*: có được *thiên mệnh* – sự ủng hộ của trời vì có đức, cho nên đã được giáng “điềm lành” là thanh gươm thần có chữ Thuận Thiên.

### **Văn học Lý-Trần**

Trong *Chiếu dời đô* (1010), Lý Công Uẩn đã lí giải việc lựa chọn kinh đô mới của mình trên nền tảng Đức trị: Phê bình vua trước chọn kinh đô theo ý riêng, khinh mệnh trời, không dời đô như gương vua Thương, Chu vì dân, khiến trăm họ hao tổn, muôn vật không được thích nghi; Lý Công Uẩn chọn kinh đô mới vì *nhân* (thương dân): kinh đô mới có thế đẹp (trung tâm trời đất, thế rồng cuộn hồ ngồi), hơn nữa địa thế rộng rãi, bằng phẳng, cao ráo, thoáng đảng sẽ giúp dân tránh được ngập lụt và canh tác thuận lợi nhờ đất đai màu mỡ (muôn vật tốt tươi). Trong *Hịch tướng sĩ* (1284), Trần Quốc Tuấn đã phản ánh tư tưởng Nho giáo ở khía cạnh đề cao, yêu cầu thái độ có trách nhiệm của người quân tử (tướng sĩ) trước hoàn cảnh vận mệnh của đất nước đang lâm nguy. Trần Quốc Tuấn hiện lên như một vị tướng/vương gia có lòng *nhân*: đối đãi với binh sĩ bằng *nhân* (cho ăn, mặc, điều chỉnh lương bổng phù hợp, cùng nhau chia sẻ sống chết, vui buồn).

*Thiên Trường văn vọng* của Trần Nhân Tông (1258-1308) có sự kết hợp của tư tưởng Nho, Phật, Đạo. Tư tưởng Đạo giáo thể hiện qua vẻ đẹp bình dị, tự tại của thiên nhiên nơi làng quê, tư tưởng Phật giáo thể hiện qua cặp khái niệm “có” (hữu) – “không” (vô), trong khi đó tư tưởng Nho giáo lại thể hiện qua tâm trạng của nhân vật trữ tình – một bậc thiên tử (có đức, dùng vô vi để trị nước) đang tự hào đã tạo ra được, hoặc đang mong muốn có thể gìn giữ cuộc sống thanh bình, hạnh phúc của người dân như thời Nghiêu, Thuấn “vô vi chi trị”.

### **Tác phẩm của Nguyễn Trãi**

Xuyên suốt đoạn trích “Nước Đại Việt ta” trong *Bình Ngô đại cáo* (1428) của Nguyễn Trãi là tư tưởng dùng đức để trị (tư tưởng nhân nghĩa Nho giáo) biểu hiện ở sự đối lập giữa quân dân Việt dưới sự thông lĩnh của thiên tử có minh đức (Lê Lợi) với các triều vua cũ (họ Hồ chính sự phiến hà) và với quân giặc hung bạo, vô đức, hiếu sát:

- Quân cuồng Minh “hung tàn”: “nướng dân đen”, “vùi con đỏ”, dối trời, lừa dân, gây binh, kết oán, suu cao thuế nặng, bắt bớ phu phen nặng nề, phá hoại sản xuất, vợ vét, tàn hại tự nhiên...

- Quân dân Việt có “đại nghĩa”, “chí nhân”: Thiên tử có chí lớn, nghị lực khắc phục gian nan vì dân, vì nước chống giặc. Thiên tử và bề tôi cư xử với nhau như phụ tử, đoàn kết một lòng. Đặc biệt, họ đã mở lòng “hiếu sinh” khi giặc cùng đường xin hàng, cấp thuyền, ngựa cho về nước, đồng thời chính sách nhân từ với địch đó còn là để vì dân, “khoan sức dân”, giảm thiểu thiệt hại cho nhân dân.

Bài cáo đã diễn giải, chứng minh sự chiến thắng của quân dân Đại Việt là tất yếu bởi lẽ phải thuộc về họ, và bởi vì họ có sự đoàn kết của tập thể, và lòng hiếu sinh, sự nhân từ với kẻ thù. Sự lên ngôi của vua Lê Lợi là hợp “mệnh trời” bởi đây là người thiên tử có *minh đức*, có *trí* và *nhân*. Tương tự như vậy, trong *Thư dụ Vương Thông lần nữa* (1427), Nguyễn Trãi đã chứng minh sự thất bại của Vương Thông và quân Minh là tất yếu bởi:

- Quân Minh đang ở thế mỗi một, thiếu thốn, hung hiểm mà lại còn lừa dối dân ta, dụ dỗ dân ta làm điều phi nghĩa.

- Chính sách của nhà nước Minh không nhân từ: ưa bạo lực, thích chiến tranh làm nhân dân không được yên ổn, ngoài ra còn chuộng bạo chúa, gian thần dẫn đến loạn cung đình.

- Quân ta có nhiều lợi thế dựa trên *đức*: sự đoàn kết, nghị lực, dũng khí, cần cù vừa sản xuất

vừa đánh giặc.

- Quân ta có *đức hiếu sinh*: đề xuất sẽ hỗ trợ quân Minh về nước an toàn, lập lại hòa bình và quan hệ hòa hảo, chấp nhận triều cống.

*Bảo kính cảnh giới/ Gương báu khuyên răn* của Nguyễn Trãi cũng là một bài thơ có sự hỗn dung về tư tưởng, tôn giáo, tuy nhiên, dấu ấn của tư tưởng Đức trị Nho giáo vẫn thể hiện rất rõ. Tư tưởng Đạo giáo được thể hiện qua sự chú ý đến vẻ đẹp bình dị, tự tại mà rực rỡ, tràn đầy sức sống, sự sinh sôi của thiên nhiên nơi làng quê (màu sắc, chuyển động, âm thanh, mùi hương...). Trong khi đó, tâm niệm của người quân tử luôn hướng về đất nước, nhân dân (tư tưởng nhập thế) mang màu sắc Nho giáo được thể hiện qua khát khao có bậc thiên tử biết dùng Đức trị (ao ước có Ngu cầm để dân giàu đủ khắp mọi nơi. Ngu cầm là biểu tượng cho sự cai trị tốt đẹp, không cần dùng đến bạo lực mà bằng chính sách “vô vi chi trị” của vua Nghiêu, Thuấn).

### 2.3.2. Tác phẩm văn học viết trung đại thuộc giai đoạn chế độ phong kiến suy tàn từ góc nhìn Đức trị

*Chiếu cầu hiền* (Quang Trung/ Ngô Thì Nhậm, 1788-1790) đã phản ánh tư tưởng Đức trị Nho giáo ở các thông điệp: thông báo chủ trương của vua Quang Trung (vị vua mới không có dòng dõi đế vương) là dùng người hiền để xây dựng đất nước (dùng đức để trị); đánh vào ý thức trách nhiệm người quân tử đối với nhân dân, đất nước để thúc đẩy họ ra giúp vua mới.

Đoạn trích “Quang Trung đại phá quân Thanh” (*Hoàng Lê nhất thống chí*, 1804, Ngô gia văn phái) lại cho thấy thiện cảm của tác giả nghiêng về người anh hùng/ cai trị có đức (vua Quang Trung), và phê phán người cai trị vô đức, nhu nhược (vua Lê, chúa Trịnh). Vua Quang Trung được mô tả như một người lãnh đạo có *trí* (có mưu lược, biết dùng binh) và có *nhân*: trước thất bại, ngài biết bình tĩnh đánh giá công, tội của quân sĩ và khuyến khích họ tiếp tục chiến đấu. Trái lại, vua Lê chúa Trịnh được khắc họa như những người lãnh đạo vô đức (hoặc nhu nhược, bị thao túng, hoặc bạo ngược và ăn chơi hưởng lạc, khi gặp hoạn nạn thì thảm hại, cuống quýt, chẳng còn tí uy nghiêm gì của đế vương). Khi thiên tử vô đức thì sẽ loạn: bè tôi (kiêu binh) cư xử không còn giữ *lễ, trung, tín* mà chạy theo lợi ích trước mắt, phản bội lại người lãnh đạo. Các hình ảnh cho thấy sự suy đồi của đạo đức bè tôi (kiêu binh) là:

- Người chủ mưu nổi loạn diệt quận Huy, thay chúa mới là Bằng Vũ, một kẻ kém về *trí* và cả về *đức*, thể hiện qua các chi tiết như chỉ biết đâm ba chũ, làm chân biện lại, chuyên điều toa xui nguyên giục bị, hay hành động phò, rước thế tử Tông lên ngôi bằng mâm, nâng lên hạ xuống như giỡn quả cầu hoặc pho tượng Phật (tưởng có *lễ* mà thực chất là *phi lễ*).

- “Điềm lành” báo sự lên ngôi của chúa mới được thể hiện một cách trào tiếu: “Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa”. Nhưng sau biến ấy, kinh đô vẫn loạn, chúa mới vẫn bất lực trước sự bạo ngược và lộng quyền của kiêu binh, đến mức phải thí mạng một người dân thường để “giết gà dọa khỉ”.

Có thể so sánh những đoạn trích này với đoạn “Vào phủ chúa Trịnh” (*Thượng kinh kí sự*) để thấy được sự suy tàn tương tự trong thể chế phong kiến thối nát, không còn “Đức trị”: người cầm quyền không có đức, u mê hưởng lạc.

Trong đoạn trích “Trao duyên” (*Truyện Kiều*, Nguyễn Du), Kiều dù là một người con gái nhưng đã hành động theo tư tưởng đạo đức Nho giáo của xã hội nàng sống: coi trọng chữ *hiếu* (với cha mẹ) và *tín* (với Kim Trọng – người nàng đã tự nguyện đính ước làm vợ chồng). Vì chữ *hiếu*, Kiều chấp nhận bán mình, dù nàng ý thức được bước chân vào con đường đó là đã đánh mất tự do, cuộc sống êm đềm và đối mặt với cái chết (“nát thân bồ liễu”, “thịt nát xương mòn”, “ngậm cười chín suối”, “thấy hiu hiu gió thì hay chị về”, “dạ đài”, “thác oan”...). Vì chữ *tín*, Kiều đã quỳ xuống xin em gái nối duyên với Kim Trọng. Đó là hành động quyết liệt, vừa mang tính cầu xin vừa ép buộc, khiến Thúy Vân không thể từ chối. Trong “Chí khí anh hùng/ Anh hùng tiếng đã gọi rằng” (trích *Truyện Kiều*), người anh hùng Từ Hải được khắc họa về cơ bản vẫn là hình bóng người quân tử khát khao nhập thế, cải tạo xã hội, thi triển tài năng của mình. Có điểm khác,

đó là người quân tử của thời loạn, khi vua không hẳn là bậc thiên tử có *minh đức*. Người anh hùng này mang giấc mộng dân chủ, tự do hơn: không nhấn mạnh sự trung thành với vua mà nhấn mạnh khát vọng bình định thiên hạ bằng tài năng của mình.

*Mời trầu, Tự tình, Bánh trôi nước* của nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) lại là những tác phẩm có liên hệ với tư tưởng Đức trị theo chiều hướng đối thoại, phân biện, chất vấn với quan niệm về “đức” mang màu sắc Nho giáo cực đoan và tư tưởng gia trưởng (quy định về “lễ” đối với người phụ nữ). Bất bình cho thân phận phụ nữ trong xã hội, Hồ Xuân Hương dùng hệ thống các hình ảnh biểu thị thân thể người phụ nữ trực tiếp/gián tiếp (thân em vừa trắng lại vừa tròn), các động từ mạnh mang tính nổi loạn (xiên ngang mặt đất, đâm toạc chân mây...), các hành động ẩn dụ cho hành vi tính giao để đối thoại, giễu cợt với hệ thống lễ cứng nhắc, gia trưởng Nho giáo dành cho người phụ nữ. Người phụ nữ không giữ được lễ ở đây có thể là người vợ lễ có nhiều đời chồng hoặc người phụ nữ độc thân có các mối tình tự do... Hồ Xuân Hương quan niệm sự hà khắc định kiến với “thân” của người phụ nữ theo lễ, theo đạo đức Nho giáo và tư tưởng gia trưởng không có giá trị định giá *tâm* hay *đức* của người phụ nữ.

*Bài ca ngất ngưỡng* (1841-1858) đã phản chiếu tư tưởng Nho giáo của Nguyễn Công Trứ dù mô tả cảnh sống nhàn tản, lánh xa chốn quan trường của ông. Nhà thơ ca ngợi sự tự do của mình, giải phóng mình khỏi sự ràng buộc của bất kì giáo lí, tư tưởng nào (dù là Phật giáo hay Đạo giáo: không Phật, không tiên, không vương tục). Các hình ảnh cho thấy sự phá bỏ các quy ước, ràng buộc xã hội và giáo lí là những biểu tượng mang tính nghịch dị, hài hước như cưỡi bò nhưng lại cho bò đeo đạc ngựa (tương tự như hình ảnh sáo không lỗ trong thơ Trần Tung), lánh xa nhân thế (gót tiên), lên chùa (đến với Bụt) nhưng lại mang theo mấy di (tinh nhân). Sự tự tin không bị ràng buộc bởi lễ luật xã hội, giáo lí ấy chỉ có được khi xuất phát từ một sự tự tin vào tài trí và những cống hiến, thành tựu đã làm được cho đời của một người quân tử có tài, trí và có trách nhiệm (“Vũ trụ nội mạc phi phận sự”, “ông Hi Văn tài bộ”, “khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông”, “thao lược”, “binh tây cờ đại tướng”, “phủ doãn Thừa Thiên”...). Cuối bài, ông khẳng định sự ngất ngưỡng, ngông ngạo của mình không có gì mâu thuẫn với con người quân tử từng nhập thế và luôn có thể nhập thế rất tích cực (trung vua, yêu nước, có trách nhiệm với nhân dân: “Chẳng Trái Nhạc cũng vào phường Hàn Phú/Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung”). Trong *Vịnh cây vông*, Nguyễn Công Trứ bày tỏ sự chua chát của người quân tử nặng lòng, nặng ý thức trách nhiệm với đất nước (tuổi già xộp xáp, “ra tài lương đồng không nên mặt”...) nhưng không được trọng dụng xứng đáng.

Trong *Qua Đèo Ngang* (giai đoạn 1805-1848), bên cạnh tình yêu thiên nhiên, Bà Huyện Thanh Quan còn phản ánh tư tưởng nhập thế tích cực của Nho giáo qua nỗi niềm, trách nhiệm của một người dân với đất nước (từ vựng: nước, quốc, gia...).

Tư tưởng Nho giáo trong bài *Chạy giặc* (Nguyễn Đình Chiểu, 1859) có sự mâu thuẫn: vừa là sự oán trách đối với thiên tử (triều đình phong kiến) đã không còn năng lực và quyền lực ổn định xã hội cho nhân dân bớt lầm than; vừa là sự khao khát có người quân tử/thiên tử anh hùng đứng ra cứu vớt nhân dân. Sự khao khát đó bộc lộ tư tưởng nhân nghĩa, thân dân của nhà nho thời loạn Nguyễn Đình Chiểu. Tác phẩm khác của ông, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (1861) đã mô tả hành động khởi nghĩa đánh Tây của nghĩa sĩ Cần Giuộc là hành động *nghĩa* (“Một trận nghĩa đánh Tây”). Dù thiếu thốn mọi bề (lương thực, tiền tài, vũ khí, sức lực) nhưng họ vẫn xả thân vì nghĩa để cứu nước.

*Thu điếu* (Nguyễn Khuyến, 1884-1909) dù mô tả không gian ở ẩn, nhàn tản, xuất thế, thanh tịnh, không vương tranh đua nhưng tư tưởng cơ bản của bài thơ vẫn là tư tưởng nhập thế của người quân tử Nho gia (lo cho dân, nước). Trong *Bạn đến chơi nhà*, nhà thơ ngoài việc kín đáo tự trào về sự nghèo nàn, thanh bạch của mình – người từ già quan trường về ở ẩn, còn muốn khắc họa hình ảnh người quân tử trong quan hệ bạn bè (mối quan hệ thứ năm trong ngũ thường của Nho giáo). Người quân tử ấy không câu nệ các hình thức lễ không xuất phát từ thực chất mà trọng đối đãi với bạn bằng sự chân thành. Tất cả những cái “không”, cái thiếu thốn để làm nổi bật một

cái “có”: tình bằng hữu chân thành, không câu nệ vật chất.

Trong *Vịnh khoa thi Hương* (1886-1907), Trần Tế Xương đã mô tả sự xuống cấp của con người theo chuẩn mực của Nho giáo: *lễ* bị vi phạm thể hiện *đức* suy tàn (sĩ tử “lôi thôi vai đeo lọ”, quan “ậm ọe miệng thét loa”, “cờ” (thiêng liêng, tượng trưng cho quốc gia, người lãnh đạo) đối với “váy”. Sự đối lập giữa “cờ” với “váy” tạo ra một sự châm biếm, mỉa mai gấp đôi: Váy là phần trang phục che thân dưới – phần thường bị coi là thấp kém vì gắn với các nhu cầu sinh lí của con người. Đó còn là trang phục của người đàn bà – người có địa vị phụ thuộc, thấp hơn, trong xã hội châu Á gia trưởng. Trong *Tự trào*, nhà thơ lại phản ánh cuộc sống bị kịch của người quân tử, nhà nho trong một xã hội không còn coi trọng Nho giáo và vai trò của thiên tử, nhà nho. Nhà nho ở đây không được trọng dụng, mất năng lực nhập thế, mất vị trí xã hội, sống nhờ vợ, không còn khả năng giữ được *lễ*, được *ngũ luân*, *ngũ thường* một cách “chính danh” nữa: “hầu con”, nhận lương vợ phát, ngơ ngơ ngẩn ngẩn, chẳng phải quan chẳng phải dân, ra về, sống cuộc sống không có giá trị đóng góp với xã hội (Sống lâu, lâu để làm gì nhi/Lâu để mà xem cuộc chuyển vận).

### 2.3.3. Tác phẩm văn học hiện đại với cảm hứng lịch sử từ góc nhìn Đức trị

Trong đoạn trích “Bóp nát quả cam” và “Viên tướng trẻ và con ngựa trắng” (*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, 1960) Nguyễn Huy Tưởng đã mô tả Trần Quốc Toản là người thân tử có *dũng*, có *nghĩa*: dù còn nhỏ tuổi nhưng vẫn không sợ chết để can gián vua, bảo vệ đất nước. Nhà văn cũng dựng nên hình ảnh một ông vua có *đức*: vua Trần Nhân Tông còn trẻ nhưng biết coi trọng người tài, người có *dũng* và có *nghĩa* (Trần Quốc Toản còn nhỏ nhưng biết lo và có trách nhiệm với đất nước), coi trọng chữ *hiếu* (“Đế vương lấy hiếu trị thiên hạ”).

### 2.3.4. Tác phẩm văn học nước ngoài từ góc nhìn Đức trị

Đoạn trích “Hồi trống Cổ thành” (trích *Tam quốc chí diễn nghĩa*, thế kỉ XIV) đề cao vẻ đẹp trung nghĩa của người quân tử - anh em Quan Công, Trương Phi. Lưu Bị vừa là thiên tử, vừa là anh em của hai người, nên trong mối quan hệ với Lưu Bị, họ vừa coi trọng trung (tôi trung với vua), và nghĩa (anh em trung thành, tận tụy với nhau): Trương Phi định giết Quan Công vì nghĩ rằng Quan Công đã bội nghĩa, phản bội lại Lưu Bị. Khi biết sự thật, Trương Phi đã vô cùng cảm động và hối hận. Quan Công đã giữ vững trung, nghĩa trong mối quan hệ này dù phải nhiều lần liều tính mạng (không bị Tào Tháo mua chuộc, dũng cảm vượt qua nhiều cửa ải tướng lĩnh của Tào Tháo để đưa 2 chị dâu về với Lưu Bị).

Trong *Cộng đồng và cá thể* (1934), tư tưởng của Einstein có phần giao với Đức trị Nho giáo ở khía cạnh coi trọng ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng. Tuy nhiên, điểm khác ở đây đó là ông đã nhấn mạnh đến ý nghĩa của cá nhân và tầm quan trọng của việc kết hợp cá nhân và xã hội. Ông chỉ ra sự suy yếu của cá nhân xuất phát từ việc kinh tế và kĩ thuật phát triển quá nhanh khiến cho cuộc đấu tranh sinh tồn của con người trở nên gay gắt. Một trong những giải pháp đề khắc phục tình trạng đó là cần phân công lao động có kế hoạch.

## 3. Kết luận

Như vậy, trong bài báo này, chúng tôi vừa cung cấp phương pháp tiếp cận các tác phẩm văn học trung đại như một hệ thống (góc nhìn tư tưởng Đức trị), vừa chỉ ra, phân tích các biểu hiện cụ thể của tư tưởng Đức trị Nho giáo trong các tác phẩm đã được đưa vào ba bộ sách. Bài báo đã xác định, hệ thống các tác phẩm văn học trung đại, hiện đại Việt Nam và một số tác phẩm văn học nước ngoài trong các bộ sách giáo khoa sau 2018 đến nay như *Cánh diều*, *Chân trời Sáng tạo*, *Kết nối Tri thức* có phản ánh hoặc liên quan đến tư tưởng Đức trị của Nho giáo. Chúng tôi đã phân chia các tác phẩm này vào các giai đoạn lịch sử nhất định gắn với sự biến đổi của chế độ phong kiến Việt Nam và sự biến đổi trong cách tiếp nhận tư tưởng Đức trị dựa trên Nho giáo của vua và các nhà nho phong kiến, từ đó, xác lập cách hiểu các tác phẩm này dựa trên mối liên quan với tư tưởng Đức trị thông qua việc phân tích các dấu hiệu của tư tưởng đó (hệ thống khái niệm, phạm trù, điển cố, điển nhìn, nhân vật...). Để tiếp cận, giảng dạy các tác phẩm văn học này trong



sự tích hợp với các môn học khác như lịch sử, địa lí, giáo dục công dân và phát triển tư duy phân biện cho học sinh, giáo viên cần sử dụng các phương pháp phù hợp để dạy học các tác phẩm liên quan đến tư tưởng Đức trị như phương pháp liên ngành, phương pháp tiếp cận văn hóa học, phương pháp dạy học theo dự án cũng như các kỹ thuật dạy học đa dạng, kích thích tư duy phân biện, sáng tạo.

**Lời cảm ơn:** Bài báo được thực hiện với sự tài trợ của Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên trong đề tài cơ sở mã số CS2021-TN06-33.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TĐ Sử, (1999). *Máy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- [2] ĐTT Vân, (1995). *Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ thiền Việt Nam thế kỉ XI-thế kỉ XIV*, Luận án PTS Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] ĐT Hiền, (2014). *Quá trình vận động tới sự điển phạm hóa của văn học nhà nho ở Việt Nam từ Trần Nhân Tông qua Nguyễn Trãi đến Lê Thánh Tông*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] TN Thìn, (2013). Tiếp cận tác phẩm trong chương trình phổ thông trung học có liên hệ với văn hóa chính trị cổ - trung đại, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*. Xem tại: <http://www.vanhoanghean.com.vn/component/k2/30-nhung-goc-nhin-van-hoa/9011-tiep-can-tac-pham-trong-chuong-trinh-pho-thong-trung-hoc-co-lien-he-voi-van-hoa-chinh-tri-co-trung-dai>
- [5] NT Tùng, (2018). “Phát triển chủ đề tích hợp trong dạy học văn học trung đại Việt Nam ở trường trung học theo hướng tiếp cận năng lực”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 63(8), 3-12.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [7] BT Diễm, (2019). “Một cách tiếp cận giáo dục công dân toàn cầu trong môn Ngữ văn”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 22(10), 68-73.
- [8] PV Chung, (2022). *Khả thể của một Đức học Nho giáo trong sách Tứ thư*. NXB Tri thức.
- [9] TVH Minh, (1962). *Tam giáo đại cương triết học Đông phương*. Tủ sách Ra khơi.
- [10] Các bộ sách giáo khoa *Cánh Diều, Kết nối Tri thức, Chân trời sáng tạo* 6, 7, 8, 10, 11.